

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ .....	4
Chương I.....	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
Chương II .....	6
TÊN, LOGO, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
Chương III.....	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	7
Điều 4. Phạm vi hoạt động và lĩnh vực kinh doanh.....	7
Điều 5. Thời gian hoạt động.....	8
Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động.....	8
Chương IV.....	9
VỐN ĐIỀU LỆ- CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU- CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 7. Vốn điều lệ.....	9
Điều 8. Cổ phần.....	10
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 11. Chào bán cổ phần.....	11
Điều 12. Chuyển nhượng và mua lại cổ phần.....	12
Điều 13. Thừa kế cổ phần.....	14
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	15
Điều 15. Cổ đông.....	16
Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông.....	16
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông.....	19
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông.....	20
Điều 19. Cổ tức.....	20
Điều 20. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức.....	21
Chương V.....	21
CƠ CẤU TỔ CHỨC, CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần.....	21
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được ủy quyền.....	24
Điều 25. Thay đổi các quyền.....	25
Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Chương VI.....	34
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Điều 33. Hội đồng quản trị .....	34
Điều 34: Nhiệm kỳ và số lượng của Hội đồng quản trị .....	36
Điều 35. Cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	37
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	37
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	39
Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Chương VII .....	43
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....	43
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý.....	43
Điều 41. Tổng Giám đốc điều hành. ....	44
Điều 42. Cán bộ quản lý .....	45
Điều 43. Thư ký Công ty. ....	46
Điều 44. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác. ....	46
Chương VIII .....	47
BAN KIỂM SOÁT .....	47
Điều 45. Ban kiểm soát.....	47
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát. ....	48
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	49
Điều 48. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	50
Điều 49. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	50
Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát. ....	51
Chương IX.....	51
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, CÁN BỘ QUẢN LÝ CAO CẤP VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	51
Điều 51. Trách nhiệm cần trọng. ....	51
Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. ....	51
Điều 53. Công khai các lợi ích liên quan.....	52
Điều 54. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. ....	53
Điều 55. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường. ....	54
Chương X .....	55
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	55
Điều 56. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
Chương XI.....	55
CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	55
Điều 57. Các tổ chức chính trị xã hội. ....	55
Điều 58. Người lao động và Công đoàn. ....	56
Điều 59. Quyền của người lao động trong Công ty. ....	56
Điều 60. Nghĩa vụ của người lao động. ....	57
Chương XII .....	57
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH .....	58
Điều 61. Phân phối lợi nhuận .....	58
Điều 62. Xử lý lỗ trong kinh doanh. ....	59
Chương XIII .....	59
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN .....	59
Điều 63. Tài khoản ngân hàng.....	59
Điều 64. Năm tài chính.....	59
Điều 65. Chế độ kế toán.....	59
Điều 66. Kiểm toán.....	59

Chương XIV .....	60
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, .....	60
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	60
Điều 67. Báo cáo tài chính sáu tháng, năm.....	60
Điều 68. Báo cáo thường niên .....	61
Chương XV .....	61
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	61
Điều 69. Chấm dứt hoạt động.....	61
Điều 70. Thanh lý.....	62
Chương XVI.....	62
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	62
Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	62
Chương XVII.....	63
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....	63
Điều 72. Con dấu .....	63
Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	63
Điều 74. Kế thừa.....	64
Điều 75. Ngày hiệu lực .....	64
Điều 76. Điều khoản thi hành.....	64
Điều 77. Điều khoản cuối cùng.....	64

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ văn bản số 84/TTg-ĐMDN ngày 19/01/2015 của Thủ Tướng Chính phủ; V/v phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước của UBND tỉnh Lào Cai;

- Căn cứ kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 16/3/2015 của UBND tỉnh Lào Cai; kế hoạch sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2015;

- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 26/07/2012 áp dụng cho Công ty đại chúng;

- Căn cứ vào Quyết định số ..... ngày ../../..... Của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai thành công ty cổ phần .

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những **nội dung** quy định trong bản Điều lệ này.

Điều lệ này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông chính thức vào ngày ..... tháng .....năm .....

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

## **Chương I**

### **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ.**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d. "Cán bộ quản lý công ty" Là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. Đơn vị trực thuộc Công ty: Là các phòng, ban; Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc và tương đương;

e. "Cổ đông" là bất kỳ tổ chức, cá nhân đăng ký tên trong sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty;

g. "Cổ đông phổ thông" là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông.

h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

i. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp

k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. "Kiểm soát viên" Là Thành viên Ban kiểm soát.

2. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

4. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Chương II**

### **TÊN, LOGO, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, người đại diện, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**

- Tên tiếng Anh: **LAOCAI WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **CÔNG TY CẤP NƯỚC LÀO CAI**

- Tên viết tắt tiếng anh: **LAWASUCO**

2. Lô gô của Công ty:

3. Hình thức:

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV kinh doanh Nước sạch tỉnh Lào Cai (là công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa số ...../QĐ - UBND ngày ...../...../2015 của UBND tỉnh Lào Cai;

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ này;

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 037, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, TP Lào Cai – tỉnh Lào Cai

- Điện thoại: 0203 830 224

Fax: 0203 830 224

- Website:

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc điều hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để

thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người được ủy quyền phải được Hội đồng quản trị công ty chấp thuận.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của công ty.

Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội. Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Vì sức khỏe cộng đồng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
2. Đảm bảo lợi nhuận của công ty và cổ tức của cổ đông.
3. Vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai.
4. Không ngừng nâng cao đời sống cho Cán bộ Công nhân viên.
5. Xây dựng và giữ thương hiệu cung cấp nước sạch. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

##### **Điều 4. Phạm vi hoạt động và lĩnh vực kinh doanh.**

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam.

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa. Công ty giữ nguyên ngành nghề kinh doanh như trước khi chuyển đổi và bổ sung thêm một số ngành nghề khác. Trong đó tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, nước

***Điều lệ tổ chức và hoạt động***

công nghiệp; bên cạnh đó cũng đẩy mạnh phát triển hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt chuyên ngành cấp, thoát nước và các hoạt động dịch vụ tư vấn.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Xây dựng, Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước	43221
3	Lắp đặt hệ thống điện	34210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng	42900;431
5	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước	46591
6	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất	46692
7	Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử	46592
8	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình	11041
9	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100
10	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
11	Kiểm nghiệm chất lượng nước; dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến D25	71200

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

3. Trong quá trình hoạt động Công ty có thể bổ sung các lĩnh vực kinh doanh khác mà pháp luật không cấm để phù hợp với tình hình kinh tế và khả năng của Công ty.

**Điều 5. Thời gian hoạt động.**

1. Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai hoạt động kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn:

2. Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động.**



1. Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật;
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai là Đại hội đồng cổ đông;
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm;
4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm;
5. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Chương IV**  
**VỐN ĐIỀU LỆ- CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU- CỔ ĐÔNG**

**Điều 7. Vốn điều lệ.**

1. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.

2. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai là: 153.804.610.000 đồng được chia thành 15.380.461 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

Bằng chữ: (.....).

Trong đó:

a. Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là 98.418.610.000 đồng, tương đương 9.838.061 cổ phần, chiếm 63,96% vốn Điều lệ;

b. Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông chiến lược là: 21.500.000.000 đồng, tương đương 2.150.000 cổ phần, chiếm 13,98% vốn Điều lệ.

c. Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác là: 38.886.000.000 đồng, tương đương 3.388.600 cổ phần, chiếm 22,06% vốn Điều lệ.

3. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

4. Điều chỉnh vốn điều lệ:

a. Ngoài vốn điều lệ ban đầu, Công ty được quyền huy động để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh lại để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

***Điều lệ tổ chức và hoạt động***

b. Sau khi Công ty cổ phần Cấp nước hoạt động chính thức theo luật doanh nghiệp, cổ đông nhà nước được quyền quyết định việc bán tiếp cổ phần đang sở hữu để đảm bảo tỷ lệ vốn Nhà nước theo quy định.

c. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật và Công ty đăng ký lại vốn điều lệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Đăng ký kinh doanh.

d. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích theo quy định của pháp luật. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

## **Điều 8. Cổ phần**

### **1. Cổ phần:**

Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

### **2. Loại cổ phần:**

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai phát hành lần đầu một loại cổ phần, đó là cổ phần phổ thông gồm: Cổ phần Nhà nước nắm giữ, cổ phần bán ưu đãi cho người lao động, cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược, cổ phần bán đấu giá.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu.**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ chứng nhận sở hữu cổ phần (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần, loại cổ phần họ sở hữu.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải được đóng dấu của Công ty và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty, chứng chỉ cổ phiếu có đầy đủ các nội dung theo điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại và chứng chỉ cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.

5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ.

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

c. Thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác.**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty

#### **Điều 11. Chào bán cổ phần.**

1. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ.

b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác và xác nhận bằng văn bản.

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ hiện có của họ ở Công ty.

3. Cổ phần được coi là đã bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty khi đã thanh toán đủ và những thông tin về người mua (gồm họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là cá nhân; họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là tổ chức) được ghi đúng, ghi đủ vào sổ Đăng ký cổ đông; Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 12. Chuyển nhượng và mua lại cổ phần.**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các cổ phần mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty được quy định tại mục a, mục b, mục c khoản 1

Điều này và trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ đông chỉ được phép chuyển nhượng tối đa bằng số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm chuyển nhượng, mọi chuyển nhượng phải được lập bằng văn bản Giấy chuyển nhượng cổ phần phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại cổ phiếu (nếu cần). Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán.

a. Cổ phần các cổ đông là người lao động trong công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty được phép chuyển nhượng sau khi hết thời gian cam kết.

b. Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

c. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 5.2 Điều này.

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc

nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

**5. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:**

a. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi Công ty có sự thay đổi tổ chức hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thay đổi về các vấn đề được đề cập đến trong khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 5.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa có giá thị trường hoặc không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.

6. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ và Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

**Điều 13. Thừa kế cổ phần**

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử Đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các qui định của pháp luật.

4. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau 2 năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của họ sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá thị trường.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho

người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

#### **Điều 14. Thu hồi cổ phần.**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất chung của ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Điều 15. Cổ đông.**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty.

3. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai là cổ đông phổ thông.

4. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu trữ tại Công ty.

5. Cổ đông nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là những cá nhân được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Người đại diện được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao theo quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

**Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông.**

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông và có các quyền sau:

a. Cổ đông được quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để đảm bảo hoạt động sản xuất không bị gián đoạn các Cổ đông ủy quyền cho các đại diện tham gia Đại hội cổ đông;

b. Được nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ



thông mà họ sở hữu;

đ. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định Tại Khoản 6 Điều 10 của Điều lệ này;

i. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền tham dự không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 6 Điều 34 và Khoản 4 Điều 45 Điều lệ này;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và các báo cáo của BKS;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty.

5. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 điều này được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc lạm dụng chức vụ, địa vị và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

### **Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông.**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và thiệt hại xảy ra.

5. Cung cấp địa chỉ, thông tin cá nhân chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối

với Công ty.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông.**

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

**Điều 19. Cổ tức.**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã được thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, séc hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ nhận cổ tức do cổ đông đăng ký với Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận được cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng

phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp của có đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

**Điều 20. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức.**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

**Chương V**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần.**

Cơ cấu tổ chức quản lý, của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị (HĐQT), gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.
3. Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc.
4. Kế toán trưởng.
5. Ban kiểm soát.
6. Thư ký Công ty
7. Các phòng, ban nghiệp vụ.
8. Các xí nghiệp cấp nước.

**Điều 22. Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có

thẩm quyền cao nhất của Công ty.

1. Đại hội cổ đông thường niên:

a. Đại hội cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trường hợp phát sinh ra những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 50% số thành viên quy định trong Điều lệ;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có chứng cứ khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định trong Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ số thành viên

mà luật quy định hoặc nhận được yêu cầu từ nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định..

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) **Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;**

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Thảo luận và thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.

l) Thảo luận và thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

### ***Điều lệ tổ chức và hoạt động***

m) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm sát viên.

n) Quyết định mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

o) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

p) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

q) Tổng số tiền lương, thù lao, tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

r) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

s) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

### 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 51 Điều lệ Công ty, khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 24. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được ủy quyền.**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Tổ chức là cổ đông công ty có quyền ủy quyền tối đa 3 người tham dự đại hội.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (là tổ chức) là người ủy quyền thì giấy ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền



cho Công ty trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

**Điều 25. Thay đổi các quyền.**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 29 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại mục b hoặc mục c khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các

cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự chậm nhất 10 ngày trước khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) nếu Điều lệ không quy định thời gian dài hơn. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Thông báo được gửi phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của các cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau:

a. Chương trình họp, các tài sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b. Phiếu biểu quyết ;

c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện

tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất từ 5% đến dưới 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

**Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp tuyên bố cuộc họp không thành công. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

**Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự lựa chọn số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát

kiểm phiếu và nếu theo đại hội không lựa chọn thì Chủ tọa chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một đến ba thư ký, người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp.

b. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự

họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết

được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó;
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần nắm giữ của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành nghề, và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- đ. Tổ chức tại, giải thể Công ty.
- g. Các vấn đề khác trừ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần nắm giữ của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu của hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

**Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định

của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư

điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các quyết định đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua

10. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

### **Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.**



1. Cuộc họp ĐHĐ cổ đông phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, biên bản và có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, không tán thành, không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các quyết định đã được đại hội đồng cổ đông thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Chủ tọa và thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

### **Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **Chương VI**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 33. Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 12 của Điều lệ này;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 50, khoản 1, khoản 2 điều 51 của Điều lệ này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng; cử người đại diện phần vốn của công ty tại công ty

Cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai; quyết định, tiền lương, mức thu lao và quyền lợi khác của những người quản lý đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q) Thu lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, theo quy định tại Điều 43, Điều lệ này.

r) Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế nội bộ về quản trị, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;

Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định

của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

**Điều 34: Nhiệm kỳ và số lượng của Hội đồng quản trị.**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số cổ phần từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

5. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, cố gắng đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 3 thành viên cũ.

6. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT; việc đề cử, ứng cử để bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, số người được đề cử tương ứng với số cổ phần phổ thông mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên; từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 người; từ 20% đến 36% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 người; từ 37% đến 50% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 04 người; từ 51% trở lên được đề cử tối đa 05 người.

a. Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về

***Điều lệ tổ chức và hoạt động***

quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 35. Cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

b. Có trình độ Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Ưu tiên người kinh nghiệm quản lý thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;

d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

đ) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

e) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

**Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên Đại hội đồng cổ đông...

b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

c. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

đ. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

e. Phê duyệt dự án đầu tư.

g. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc điều hành, các phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Thư ký Công ty, người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai.

h. Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của tổng Giám đốc.

i. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

k. Chấp thuận hợp đồng, các giao dịch giữa công ty với các đối tác và nội bộ có giá trị lớn hơn 01 (một) tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất do Tổng giám đốc đề xuất (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị).

1. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho phó chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, thì phó chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời điều hành Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế cho tới khi HĐQT bầu được chủ tịch mới.

### **Điều 37. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.**

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT ở một số lĩnh vực sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Trực tiếp dự thảo nội dung các cuộc họp HĐQT trình Chủ tịch HĐQT tham gia ý kiến trước khi đưa ra HĐQT thảo luận tại cuộc họp.

- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp của HĐQT định kỳ hoặc bất thường. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

- Tiếp nhận các báo cáo của Ban kiểm soát và tham gia ý kiến (*nếu có*) trước khi báo cáo được Ban kiểm soát thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

- Giúp Chủ tịch HĐQT giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ở một số lĩnh vực về SXKD, đầu tư của Công ty.

2. Tham mưu với Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và trước HĐQT về những ý kiến của mình.

4. Phó Chủ tịch HĐQT thay Chủ tịch HĐQT điều hành HĐQT nếu được Chủ tịch uỷ quyền bằng văn bản. Nếu Chủ tịch mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch cho tới khi HĐQT bầu được chủ tịch mới.

5. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty.

### **Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, hoặc bất thường lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;
- b. Có đề nghị ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn **07** ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Đồng thời với việc gửi thông báo mời họp tới các thành viên HĐQT, người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối các thành viên hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất  $\frac{3}{4}$  số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn  $\frac{1}{2}$  số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### 8. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 8 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

***Điều lệ tổ chức và hoạt động***



hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 51 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là lá phiếu quyết định.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được

khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết bằng văn Bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

13. Biên bản họp hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

### **Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

đ. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các công việc không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, có thu nhập mà không chấp hành sự thu hồi của Công ty.

g. Thành viên là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng không được tổ chức đó ủy quyền nữa. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kéo dài thời gian làm việc sau khi đến tuổi nghỉ hưu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu và Đại hội đồng cổ đông không có ý kiến khác, nhưng thời gian kéo dài tối đa không quá 2/3 nhiệm kỳ hoặc tới hết nhiệm kỳ thực hiện tùy theo thời hạn nào đến trước.

2. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bỏ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bỏ nhiệm.

Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

## **Chương VII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý.**

1. Hệ thống quản lý của Công ty bao gồm:

a. Ban điều hành Công ty: Tổng Giám đốc; các phó tổng giám đốc và kế toán trưởng;

b. Các phòng, ban chức năng Công ty;

c. Các xí nghiệp cấp nước;

2. Hệ thống quản lý của Công ty trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, ba (03) Phó tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 42. Tổng Giám đốc điều hành.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong HĐQT làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

d) Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức, điều hành và Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty trong phạm vi quyền hạn của mình.

- Chủ động thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, các giao dịch có giá trị đến một (1) tỷ đồng;

- Được ký kết các hợp đồng, các giao dịch có giá trị từ trên một (1) tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch HĐQT và phải được thông báo tới Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi xin ý kiến Chủ tịch HĐQT.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và tham mưu để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Tổ chức xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của công ty; trình xin ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị trước khi phê duyệt, ban hành;

i) Tổ chức xây dựng và ban hành các quy trình quản lý kỹ thuật, quy trình vận hành, và các quy trình quản lý nội bộ khác nhằm phục vụ công tác quản lý công ty được tốt nhất.

k) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

### **Điều 43. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết khác, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty theo từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải đủ tiêu chuẩn cần thiết để điều hành các hoạt động của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý khác gồm:

- + Trưởng, phó các phòng, ban thuộc văn phòng công ty;
- + Giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp;
- + Trưởng, phó các phòng, kế toán, quản đốc các nhà máy trực thuộc xí nghiệp (nếu có).

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với đối với những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc điều hành quyết định sau

khi tham khảo ý kiến của Hội Đồng quản trị.

**Điều 44. Thư ký Công ty.**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) người làm Thư ký Công ty cùng với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tham gia chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Làm biên bản các cuộc họp và dự thảo nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quy định phục vụ công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Thư ký Công ty được nhận thù lao theo công việc của mình bằng 60% mức thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu làm kiêm nhiệm).

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 45. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.**

1. Công ty trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, cho Tổng giám đốc, và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a) Tiền lương, tiền thưởng: Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo ngạch bậc và được quy định tại Quy chế tiền lương, tiền thưởng của công ty.

b) Thù lao. Thù lao công việc trả cho thành viên HĐQT làm kiêm nhiệm được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3. Tiền lương, tiền thưởng và thù lao của Tổng Giám đốc điều hành, các phó tổng giám đốc và kế toán trưởng công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương VIII**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 46. Ban kiểm soát.**

1. Là Tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty

#### **Trưởng ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:**

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Đề cử hoặc ứng cử người vào BKS; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ: Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được cử 01 người; từ 10 đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được cử 02 người; trên 20% tổng số cổ phần phổ thông được cử tối đa 03 người.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

6. Kiểm soát viên công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

**Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát.**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hằng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 46 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 46 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.



7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Xem xét kết quả của kiểm toán và ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán độc lập muốn bàn bạc;

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

14. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

#### **Điều 49. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

#### **Điều 50. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới, bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm

soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát.**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 5 Điều 46 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Chương IX**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT,  
CÁN BỘ QUẢN LÝ CAO CẤP VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 52. Trách nhiệm cẩn trọng.**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý cao cấp và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý cao cấp và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý cao cấp và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan

đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý cao cấp, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Người quản lý Công ty không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 54. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

**Điều 55. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành.

c. Doanh nghiệp mà trong đó, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành có tỷ lệ cổ phần/vốn góp từ 10% vốn điều lệ trở lên.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp

đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý cao cấp và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc

được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương X**

### **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 57. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 16 và Khoản 4 Điều 46 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

## **Chương XI**

### **CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### **Điều 58. Các tổ chức chính trị xã hội.**

1. Các tổ chức chính trị, Chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và theo các Điều lệ tổ chức mình phù hợp với quy định của luật pháp.

2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội và hoạt động theo những quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.

**Điều 59. Người lao động và Công đoàn.**

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổng giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, quy định của Công ty.

**Điều 60. Quyền của người lao động trong Công ty.**

1. Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Được hưởng các quyền lợi theo quy định của bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

a. Hội nghị người lao động của Công ty.

b. Tổ chức Công đoàn của Công ty.

c. Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động thông qua người Đại diện của người lao động (tổ chức công đoàn) có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty ra quyết định các vấn đề sau:

a. Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp lại tổ chức để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty.



b. Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

c. Các Nội quy, Quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

d. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

đ. Nâng lương, nâng bậc, chuyển ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty.

e. Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

4. Ngoài ra người lao động trong Công ty còn có quyền:

a. Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

b. Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Tổng Giám đốc Công ty.

c. Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động.

d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty xây dựng hệ thống thang, bảng lương trong doanh nghiệp làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động; hoặc xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.

### **Điều 61. Nghĩa vụ của người lao động.**

1. Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty, chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Lào Cai. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Tổng Giám đốc Công ty có quyền xử lý theo Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao;

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XII**

**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH**

**Điều 62. Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận phân phối của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi: Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (nếu có), thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông (không tính các khoản ưu đãi về thuế) theo quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, bù lỗ (nếu có) và các khoản phải nộp khác. Lợi nhuận phân phối được trích vào các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm bao gồm các loại quỹ sau:

- a. Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh.
- b. Trích quỹ thưởng Ban điều hành.
- c. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- d. Lợi nhuận để trả cổ tức.

2. Trả cổ tức: Được thực hiện theo phương án phân chia lợi nhuận hàng năm do Hội đồng quản trị Công ty đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua với số cổ phần biểu quyết phải đạt từ 65% trở lên.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định

của pháp luật.

**Điều 63. Xử lý lỗ trong kinh doanh.**

Trường hợp khi Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định để giải quyết kịp thời theo giải pháp sau:

- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

**Chương XIII**

**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

**Điều 64. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 65. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

**Điều 66. Chế độ kế toán**

1. Công ty căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**Điều 67. Kiểm toán.**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một số công ty kiểm toán độc lập,

hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (hoặc Bộ Tài chính) chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết (Công ty có lợi ích Công chúng) tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty, hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **Chương XIV**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 68. Báo cáo tài chính sáu tháng, năm**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính sáu tháng, năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 66 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế và cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng, năm theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng, báo cáo năm của công ty phải được công bố trên website của Công

ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng, năm trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 69. Báo cáo thường niên**

1. Khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty;
- d. Báo cáo giám sát tài chính.

Đối với báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Chương XV**  
**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 70. Chấm dứt hoạt động.**

- 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b. Theo quyết định của ĐHĐ cổ đông.
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm chấm dứt hoạt động của Công ty đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành theo thủ tục luật định.

**Điều 71. Thanh lý.**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- g. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông.

**Chương XVI**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ.**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## **Chương XVII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

#### **Điều 73. Con dấu**

1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a. Tên doanh nghiệp;
- b. Mã số doanh nghiệp.

2. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

#### **Điều 74. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiên bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động

của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 75. Kế thừa**

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng được bàn giao từ Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai.

**Điều 76. Ngày hiệu lực**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 77. Điều khoản thi hành.**

Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách các cổ đông mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
2. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và biểu quyết Điều lệ này.
3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trưởng ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, các Tổng Giám đốc, kế toán trưởng một các hợp pháp, hợp lệ.
4. Việc quản lý Công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.
5. Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai.

**Điều 78. Điều khoản cuối cùng.**

1. Bản điều lệ này gồm 17 chương 78 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhất trí thông qua ngày.....tháng.....năm ..... theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau trong đó:

- 06 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân Tỉnh Lào Cai.

- 04 bản lưu trữ trong hồ sơ tại văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty ký từng trang mới có giá trị.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.



5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

6. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Lào Cai, ngày tháng năm 2015*  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN**

1.

2.

3.

4